

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30

Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27001	19810170130	Võ Thanh	An	25/12/2001			
2	TA27002	1781110102	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999			
3	TA27003	20810000117	Kiều Lan	Anh	1/10/2002			
4	TA27004	20810000108	Lê Thị Vân	Anh	24/12/2002			
5	TA27005	20810720274	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/12/2002			
6	TA27006	20810710180	Phan Quốc	Anh	19/6/2002			
7	TA27007	19810000167	Vũ Hoàng	Anh	1/3/2001			
8	TA27008	19810310267	Vũ Quang	Anh	6/1/2001			
9	TA27009	20810810028	Vương Thị Phương	Anh	5/10/2001			
10	TA27010	19810510119	Đình Xuân	Ánh	25/2/2001			
11	TA27011	20810810017	Hoàng Hải	Băng	9/12/2002			
12	TA27012	18810410033	Trần Văn	Chung	12/10/2000			
13	TA27013	20810110304	Hoàng Nhật	Đăng	26/1/2002			
14	TA27014	19810310087	Tran Thanh	Dat	28/8/2001			
15	TA27015	2283010017	Lương Văn	Diện	19/8/1999			
16	TA27016	19810620036	Ngô Duy	Đông	15/8/2001			
17	TA27017	2272010034	Trần Trọng	Đông	10/1/1990			
18	TA27018	19819120152	Đoàn Văn	Duân	15/7/2001			
19	TA27019	19810170129	Đình Sỹ	Đức	20/2/2001			
20	TA27020	1781620027	Nguyễn Minh	Đức	30/9/1999			
21	TA27021	1781310126	Đỗ Minh	Dương	12/12/1999			
22	TA27022	19810430296	Nguyễn Trọng	Giàu	30/8/2001			
23	TA27023	19810310038	Bùi Hoàng	Hà	27/6/2001			
24	TA27024	19810720275	Đỗ Văn	Hà	26/8/2001			

25	TA27025	19810320463	Nguyễn Trung	Hà	19/3/2001			
26	TA27026	18810410232	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000			
27	TA27027	20810000354	Bùi Thị	Hạnh	24/02/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30

Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27028	20810720012	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	6/12/2001			
2	TA27029	1781620042	Phạm Đức	Hậu	3/4/1999			
3	TA27030	18810340118	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/5/2000			
4	TA27031	18810310287	Nguyễn Tuấn	Hiệp	1/12/2000			
5	TA27032	20810000020	Phan Hoàng	Hiệp	4/5/2002			
6	TA27033	19810620017	Đỗ Lê Trung	Hiếu	3/9/2001			
7	TA27034	18810000029	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
8	TA27035	2172010063	Lê Việt	Hoàng	10/7/1999			
9	TA27036	20810710129	Nguyễn Đức	Hoàng	17/12/2002			
10	TA27037	20810000004	Nguyễn Văn	Huân	27/3/2002			
11	TA27038	20810000342	Nguyễn Quang	Huy	18/6/2002			
12	TA27039	20810840027	Nguyễn Quốc	Huy	13/9/2002			
13	TA27040	19810310055	Phan Công	Huy	27/09/2001			
14	TA27041	20810820001	Đinh Phương	Huyền	22/3/2002			
15	TA27042	20810110257	Nguyễn Thị	Huyền	17/9/2002			
16	TA27043	19810310052	Trần Duy	Khánh	8/1/2001			
17	TA27044	20810160515	Trần Ngọc	Lâm	27/2/2002			
18	TA27045	19810170120	Đinh Quang	Linh	18/6/2001			
19	TA27046	21810710109	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	2/7/2003			
20	TA27047	20810810023	Hà Thanh	Mai	11/11/2002			
21	TA27048	20810840033	Lê Ngọc	Mai	1/10/2001			
22	TA27049	19810820068	Trịnh Văn	Nam	1/7/2022			
23	TA27050	20810710141	Trịnh Thị Thanh	Nga	22/1/2002			
24	TA27051	18810710153	Kiều Thị Phương	Nhung	01/01/2000			

25	TA27052	18810320483	Lê Hồng	Quân	12/4/2000			
26	TA27053	19810510154	Nguyễn Anh	Quân	30/11/2001			
27	TA27054	18810340092	Nguyễn Hoàng	Quân	2/9/2000			
28	TA27055	20810710098	Nguyễn Minh	Quân	22/4/2002			
29	TA27056	20810820017	Nguyễn Minh	Quân	23/6/2002			
30	TA27057	19810720110	Nguyễn Hoàng	Quyền	24/9/2000			
31	TA27058	18810420002	Nguyễn Thế	Quyền	1/7/2000			
32	TA27059	19810000137	Nghiêm Hoàng	Sơn	18/12/2001			
33	TA27060	20810160501	Nguyễn Bắc	Sơn	16/3/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30

Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27061	18810430073	Trần Xuân	Sơn	15/2/2000			
2	TA27062	19810420202	Lê Nho Chiến	Thắng	27/12/2001			
3	TA27063	18810420153	Nguyễn Hoàng	Thắng	29/8/2000			
4	TA27064	20810710260	Vũ Đức	Thắng	22/7/2002			
5	TA27065	20810810036	Nguyễn Kim	Thanh	20/7/2002			
6	TA27066	19810620012	Đoàn Văn	Thành	6/2/2001			
7	TA27067	20810110186	Lê Tiến	Thành	3/5/2002			
8	TA27068	19810430227	Phạm Xuân	Thành	1/2/2001			
9	TA27069	20810840016	Vũ Phương	Thảo	25/3/2001			
10	TA27070	20810430164	Nguyễn Văn	Thi	27/8/2002			
11	TA27071	18810310268	Trần Văn	Thịnh	23/8/2000			
12	TA27072	20810430138	Trịnh Dương	Thọ	9/4/2002			
13	TA27073	19819120113	Đinh Hữu	Thuận	13/7/2001			
14	TA27074	20810110281	Đỗ Thị	Thương	18/11/2002			
15	TA27075	20810430137	Lê Văn	Thương	13/7/2002			
16	TA27076	Đầu vào CH	Vũ Quốc	Thưởng	28/09/1981			
17	TA27077	20810430179	Giáp Biên	Thùy	3/9/2002			
18	TA27078	20810000164	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	7/2/2002			
19	TA27079	18810420158	Nguyễn Văn	Tiến	1/2/2000			
20	TA27080	20810000017	Nguyễn Quỳnh	Trang	29/12/2002			
21	TA27081	20810000075	Nguyễn Anh	Tú	14/3/2002			
22	TA27082	19810420184	Nguyễn Ngọc	Tú	22/4/2001			
23	TA27083	21810820298	Nguyễn Anh	Tuân	7/11/2003			
24	TA27084	19810000092	Tạ Minh	Tuấn	17/9/2001			

25	TA27085	20810710148	Sử Đức	Tuệ	2/5/2002			
26	TA27086	19810310065	Đỗ Hoàng	Tùng	3/8/2023			
27	TA27087	19810340608	Nguyễn Quang	Việt	16/2/2001			
28	TA27088	18810420141	Nguyễn Quốc	Việt	14/9/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)